

*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4953-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tên cơ sở đào tạo : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:
Tên văn bằng : **Cử nhân Lịch sử**
Tên chương trình đào tạo : **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**
Trình độ đào tạo : **Cử nhân**
Ngành đào tạo : **Lịch sử** Mã số : **7229010**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ đại học những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong hệ thống trường Đảng của cả nước; những người làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

+ Trang bị những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn.

+ Trang bị những kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Đảng; kiến thức chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Đảng, đáp ứng yêu cầu công tác trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử Đảng tại các cơ quan, ban, ngành, trường chính trị, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước.

1.2.2. Kỹ năng:

+ Trang bị kỹ năng giảng dạy môn Lịch sử Đảng trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và hệ thống trường chính trị của cả nước.

+ Kỹ năng nghiên cứu triển khai các đề tài khoa học về Lịch sử Đảng.

+ Kỹ năng xử lý tình huống cụ thể trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chuyên

môn và các nhiệm vụ khác trong quá trình công tác.

1.2.3. Phẩm chất chính trị và đạo đức

+ Có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng.

+ Đạo đức nghề nghiệp và đạo đức của người cán bộ cách mạng.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công tác, có tình yêu nghề nghiệp.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

+ Làm giảng viên giảng dạy các môn Lịch sử Đảng trong hệ thống trường Đảng và hệ thống giáo dục quốc dân cả nước;

+ Làm cán bộ nghiên cứu trong các viện nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn;

+ Làm cán bộ trong các cơ quan, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc hệ thống chính trị của Việt Nam.

1.2.5. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

- Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ Tiếng Anh B1 khung châu Âu (tương đương 500 điểm TOEIC hoặc 450 điểm TOEFL hoặc 4.5 điểm IELTS).

- Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B. Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

2. Căn cứ xây dựng chương trình

2.1. Căn cứ thực tiễn

2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo

- Chương trình đào tạo đại học ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của Đại học khoa học xã hội và nhân văn.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội.

2.1.2. Kết quả khảo sát

** Khảo sát nhu cầu xã hội*

Qua khảo sát thực tế nhu cầu nguồn nhân lực ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại một số đơn vị trong cả nước vào tháng 7 năm 2018, chúng tôi đã sử dụng 300 phiếu khảo sát và nhiều cuộc phỏng vấn ở các mức nhu cầu tuyển dụng khác nhau. Kết quả cho thấy, 87% số người tham gia khảo sát và phỏng vấn cho biết chương trình học phù hợp với nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của cơ quan. 13% còn lại cho rằng cần phải bổ sung một số môn học như: tăng tín

chỉ môn tiếng Anh, cần tăng cường các môn học kỹ năng, các môn thực tiễn, tăng tỉn chỉ thực tập nghề nghiệp.

* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

2.2. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

- *Kiến thức khoa học cơ bản*

CDR 1. Nắm vững và có khả năng vận dụng được các nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

CDR 2. Vận dụng sáng tạo tri thức và phương pháp của một số ngành khoa học xã hội và nhân văn gắn với ngành học.

CDR 3. Hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản của khoa học tự nhiên được trang bị trong chương trình

- *Kiến thức nền tảng (cơ sở ngành)*

CDR 4. Hiểu và phân tích những nội dung cốt lõi và đặc trưng của một số ngành khoa học xã hội và nhân văn.

CDR 5. Vận dụng đúng đắn vào việc nghiên cứu, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn giảng dạy thuộc lĩnh vực chuyên ngành, hoặc lĩnh vực xã hội và nhân văn, vai trò đặc thù của chúng trong đời sống xã hội.

- *Kiến thức ngành*

CDR 6. Phân tích kiến thức lịch sử chung của Việt Nam và thế giới, về phương pháp luận sử học để nghiên cứu, trình bày lịch sử chuyên ngành một cách đúng đắn, sáng tạo.

- *Kiến thức chuyên ngành*

CDR7. Phân tích kiến thức chuyên sâu về lịch sử đấu tranh và xây dựng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

CDR 8. Vận dụng kiến thức và phương pháp lịch sử để phân tích, lý giải, góp phần nhận thức đúng và giải quyết những vấn đề của Lịch sử Đảng đương đại.

CDR 9. Làm tốt việc nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam phục vụ hệ thống đào tạo và phục vụ xã hội.

3.2. Kỹ năng

- *Kỹ năng chung*

CDR 10. Có kỹ năng nhìn nhận vấn đề và đưa ra giải pháp cho từng vấn đề từ các góc độ mới, khung tham chiếu mới, không rập khuôn, máy móc.

CDR 11. Có khả năng phân tích, sử dụng các minh chứng và bằng chứng để đưa ra quan điểm cá nhân về vấn đề nghiên cứu.

CDR 12. Có kỹ năng tìm kiếm, sưu tầm tài liệu từ các nguồn khác nhau, phân tích nội dung văn bản; hình thành các giả thuyết khoa học; thực hiện các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng; sử dụng các phần mềm để phân tích số liệu thống kê; kiểm định giả thuyết; ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn.

CDR 13. Có kỹ năng phân tích đa chiều; nhìn nhận vấn đề trong chỉnh thể logic; xác định mối tương quan giữa các vấn đề và thứ tự ưu tiên của vấn đề trong hệ thống.

CDR 14. Có khả năng tự học và học tập suốt đời; thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi...

CDR 15. Có khả năng thuyết trình, giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản hoặc email.

CĐR 16. Kỹ năng nghe, nói, đọc viết đạt trình độ B1 theo khung tham chiếu chuẩn của Châu Âu; sử dụng được tin học văn phòng cơ bản phù hợp công việc chuyên môn.

CĐR 17. Có khả năng thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung; thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.

CĐR 18. Có khả năng ra quyết định, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, kiểm tra các hoạt động trong trường, trong lớp phụ trách.

CĐR 19. Nhận thức được các mục tiêu, chiến lược, đối tác của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; thích ứng với yêu cầu công việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

CĐR 20. Đánh giá được bối cảnh lịch sử, văn hóa dân tộc và bối cảnh toàn cầu hóa đối với giáo dục nói chung, nghiên cứu, giảng dạy lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng từ đó có những thích ứng kịp thời nhằm phát triển nghề nghiệp chuyên môn.

- Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Lịch sử Đảng

CĐR 21. Có khả năng phân tích, đánh giá, phản biện các quan điểm, tư tưởng, sự kiện chính trị - xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng.

CĐR 22. Soạn và giảng bài Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam bằng phương pháp, phương tiện hiện đại.

CĐR 23. Có khả năng tham gia các đề tài nghiên cứu về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

CĐR 24. Kỹ năng xử lý tình huống cụ thể trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác trong quá trình công tác.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CĐR 25. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn được đào tạo.

CĐR 26. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

CĐR 27. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

CĐR 28. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

4. Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên.
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
- Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ

Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

8. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

9. Nội dung chương trình

9.1. Cấu trúc chương trình: Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng- An ninh), trong đó:

Khối kiến thức giáo dục đại cương	45
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	15
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6
- Toán và khoa học tự nhiên	3
- Ngoại ngữ	12
- Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng- an ninh	(12 tín chỉ)

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6
- Kiến thức ngành	23
<i>Bắt buộc:</i>	14
<i>Tự chọn:</i>	9
- Thực tế chính trị- xã hội	2
- Kiến tập	2
- Kiến thức chuyên ngành	31
<i>Bắt buộc:</i>	25
<i>Tự chọn:</i>	6
Thực tập nghề nghiệp	3
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6

9.2. Khung chương trình

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức giáo dục đại cương: 48 tín chỉ					
1.1. Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh				15	
1	TM01001	Triết học Mác - Lênin	Học phần giới thiệu chung về triết học và vai trò của triết học trong đời sống, những nội dung cơ bản của triết học Mác - Lênin, như: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức, hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, vấn đề con người.	4,0 (3,0:1,0)	
2	KT01001	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	3,0 (2,0:1,0)	
3	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	3,0 (2,0:1,0)	
4	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	3,0 (2,0:1,0)	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành	2,0 (1,5:0,5)	

			và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.		
1.2. Khoa học xã hội và nhân văn				15	
<i>Bắt buộc</i>				9	
6	NP01001	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
7	CT01001	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam.	2,0 (1,5:0,5)	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	

<i>Tự chọn</i>			6/18		
10	LS01004	Lịch sử thế giới (chuyên đề)	Những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lịch sử thế giới, bao gồm: Các quốc gia cổ đại phương Đông, phương Tây; Các quốc gia phong kiến phương Đông, phương Tây; Chủ nghĩa tư bản thế giới; Chủ nghĩa xã hội thế giới từ 1917 đến nay; Cách mạng khoa học - công nghệ từ 1945 đến nay; Các cuộc chiến tranh thế giới...	2,0 (1,5:0,5)	
11	TG01001	Giáo dục đại cương	Sinh viên nắm vững hệ thống lý luận cơ bản về giáo dục con người trong nhà trường ở nước ta và có khả năng vận dụng những tri thức đó vào thực tiễn công tác giáo dục.	2,0 (1,5:0,5)	
12	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
13	KT01003	Kinh tế phát triển	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tăng trưởng, phát triển kinh tế; lý giải làm thế nào để các nước đang phát triển có thể thoát khỏi tình trạng chậm phát triển. Bao gồm: khái niệm về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế; các nguồn lực tăng trưởng; các mô hình tăng trưởng kinh tế; quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; mối quan hệ giữa tăng trưởng và công bằng xã hội; Đánh giá những vấn đề tăng trưởng và phát triển kinh tế đặt ra hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
14	LS01003	Dân tộc học đại cương	Những kiến thức cơ bản về các tộc người trên thế giới, bao gồm: lịch sử nguồn gốc tộc người, quá trình tộc người và các đặc trưng sinh hoạt văn hóa tộc người; các phương pháp nghiên cứu đặc thù và liên ngành để giải mã đời sống và các hiện tượng văn hóa của các tộc người trên thế giới.	2,0 (1,5:0,5)	
15	XH01001	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn Xã hội học như đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của Xã hội học; các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra Xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu Xã hội học như: xã hội	2,0 (1,5:0,5)	

			học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.		
16	TT01001	Lịch sử văn minh thế giới	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nền văn minh lớn của nhân loại trong tiến trình lịch sử. Trên cơ sở đó, người học nâng cao phong kiến thức về văn hoá thế giới trong hội nhập và phát triển để xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của lịch sử.	2,0 (1,5:0,5)	
17	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	Gồm những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
18	NP01002	Quản lý hành chính Nhà nước	Những kiến thức cơ bản và hệ thống về quản lý hành chính nhà nước như: hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước; cơ quan quản lý hành chính nhà nước; cán bộ, công chức, viên chức và chế độ công vụ; quyết định quản lý hành chính, thủ tục hành chính và cải cách hành chính nhà nước.	2,0 (1,5:0,5)	
1.3. Tin học				3,0	
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
1.4. Ngoại ngữ (chọn tiếng Anh hoặc tiếng Trung)				12/24	
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc....	4,0 (2,0:2,0)	

			Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.		
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện... Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán...Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (3,0:1,0)	
24	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ đề thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (3,0:1,0)	
25	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (3,0:1,0)	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				85	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				18	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
26	TG01009	Tâm lý học	Nội dung môn học đem đến những kiến thức cơ bản về bản chất tâm lý	3,0	

		sur phạm	người, chỉ rõ cơ sở tâm lý học của hoạt động giảng dạy và giáo dục, đồng thời phân tích mô hình nhân cách của giảng viên đáp ứng yêu cầu lao động sư phạm. Những nội dung trên là cơ sở quan trọng của một nghề nghiệp mang tính khoa học và tính ứng dụng. Nhờ đó, việc giảng dạy kiến thức cũng như hình thành kỹ năng, kỹ xảo cho người học sẽ được định hướng và có tính kỹ thuật rõ ràng.	(2,0:1,0)	
27	TG03001	Lý luận dạy học đại học	Nội dung học phần gồm: Bản chất của quá trình dạy học, các nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học, lập kế hoạch dạy học. Sinh viên thực hành các kỹ năng xác định mục tiêu bài học, lựa chọn nội dung và phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu cụ thể.	3,0 (2,0:1,0)	
28	TM01008	Đạo đức học Mác- Lênin	Nội dung học phần gồm quy luật hình thành phát triển của đạo đức, các phạm trù cơ bản của đạo đức học, các phẩm chất đạo đức cá nhân và các giá trị đạo đức truyền thống. Người học rút ra ý nghĩa, bài học để vận dụng vào thực tiễn nhằm điều chỉnh suy nghĩ và hoạt động con người theo nguyên tắc hướng tới chân, thiện, mỹ.	3,0 (2,0:1,0)	
29	TM01010	Lôgic học	Trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hiện đại về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp tư duy đúng đắn của logic học đại cương và vận dụng chúng vào hoạt động thực tiễn.	3,0 (2,0:1,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
30	CN01004	Lịch sử phong trào công sản và công nhân quốc tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống quá trình hình thành và phát triển của lịch sử phong trào công sản và công nhân quốc tế. Hoạt động, vai trò và ý nghĩa lịch sử của các tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân; Những vấn đề cơ bản của phong trào giải phóng dân tộc.	3,0 (2,0:1,0)	
31	TM01014	Tôn giáo học	Trang bị cho người học lý luận mác-xít về tôn giáo và những kiến thức khái quát về các tôn giáo cụ thể. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu và nắm được đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về công tác tôn giáo ở Việt Nam trong thời kỳ hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	

32	CN02054	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử dựng nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc và xây dựng đất nước: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học; tư tưởng Việt nam thời kỳ tiền sử và sơ sử; tư tưởng Việt Nam thời kỳ đấu tranh lâu dài giành độc lập dân tộc từ thế kỷ thứ II Trước công nguyên đến thế kỷ X; Tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIV; Tư tưởng Việt Nam thế kỷ XV, XVI, XVII, XVIII, XIX và nửa đầu thế kỷ XX.	3,0 (2,0:1,0)	
33	TT02366	Nghệ thuật phát biểu miệng	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật phát biểu miệng; Nắm vững các thao tác chuẩn bị và tiến hành phát biểu trước công chúng; Hình thành khả năng chuẩn bị và tổ chức một buổi nói chuyện với một đối tượng người nghe cụ thể.	3,0 (2,0:1,0)	
34	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lý thuyết truyền thông. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ hiểu được bản chất xã hội của truyền thông, nắm và hiểu được những đặc trưng cơ bản của truyền thông, các lý thuyết truyền thông cơ bản, chu trình truyền thông, các phương tiện truyền thông và có thể thành thiết lập kế hoạch truyền thông, cũng như các kỹ năng sử dụng các công cụ đánh giá, giám sát. Bên cạnh đó, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên thái độ học hỏi và làm việc nghiêm túc trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp.	3,0 (1,5:1,5)	
35	QQ01004	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	Trang bị cho người học những kiến thức về truyền thông đại chúng, vai trò và sức mạnh truyền thông đại chúng trong các cơ quan quản lý của hệ thống cấu trúc chính trị Việt Nam. Môn học này hướng đến việc giúp người học kiến thức liên ngành như: cách Quốc hội sử dụng truyền thông đại chúng trong định hướng dư luận xã hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Hay cách đóng góp của người dân vào quá trình cải thiện chất lượng chính phủ thông qua truyền thông đại chúng.	3,0 (2,0:1,0)	
2.2. Kiến thức ngành				23	
Bắt buộc				14	

36	LS02501	Lịch sử sử học	Những kiến thức cơ bản về lịch sử sử học thế giới và lịch sử sử học Việt Nam; những thành tựu của sử học thế giới và sử học Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.	3,0 (2,0:1,0)	
37	LS02203	Phương pháp luận sử học	Những kiến thức cơ bản về khoa học lịch sử, bao gồm: Nhận thức lịch sử, những nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu lịch sử.	3,0 (2,0:1,0)	
38	LS02502	Lịch sử Việt Nam (từ thời nguyên thủy đến năm 1930)	Những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lịch sử dân tộc Việt Nam từ thời nguyên thủy đến năm 1930 trên các lĩnh vực chủ yếu: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội qua các thời kỳ lịch sử.	4,0 (3,0:1,0)	
39	LS02503	Lịch sử thế giới	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quá trình hình thành và phát triển xã hội loài người từ thời kỳ nguyên thủy đến nay.	4,0 (3,0:1,0)	
<i>Tự chọn</i>				9/27	
40	LS02504	Khảo cổ học	Trang bị những kiến thức cơ bản về Khảo cổ học thế giới và Việt Nam bao gồm những thành tựu khảo cổ học trong các thời kỳ.	3,0 (2,0:1,0)	
41	XD02303	Các đảng chính trị trên thế giới	Những kiến thức cơ bản như: khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và điều kiện để đảng chính trị trở thành đảng cầm quyền; tổ chức và hoạt động của một số đảng chính trị trên thế giới ở Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai len, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Pháp, Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa Singapore.	3,0 (2,0:1,0)	
42	QQ02606	Cơ sở truyền thông quốc tế	Trang bị hệ thống khái niệm, các kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống truyền thông quốc tế. Nắm được các đặc điểm về các chủ thể, kênh, công chúng... trong hoạt động truyền thông quốc tế. Tìm hiểu thực trạng truyền thông quốc tế ở một số quốc gia, một số tổ chức quốc tế... trên thế giới.	3,0 (2,0:1,0)	

43	TH02091	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	Học phần giúp cho người học nắm được cơ sở và quá trình hình thành, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc và sự vận dụng của Đảng ta trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay; có khả năng phân tích, đánh giá có phản biện các quan điểm, tư tưởng, đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay của Đảng Cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh; giúp sinh viên nhận thức sâu sắc được vai trò, giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, xác định rõ trách nhiệm của bản thân đối với đất nước, nhân dân, công việc.	3,0 (2,0:1,0)	
44	TH02092	Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam	Học phần giúp cho người học nắm được cơ sở và quá trình hình thành, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam và sự vận dụng của Đảng ta trong xây dựng CNXH hiện nay; có khả năng phân tích, đánh giá có phản biện các quan điểm, tư tưởng, đường lối xây dựng CNXH hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giá có phản biện việc lựa chọn đi lên CNXH ở Việt Nam hiện nay trong bối cảnh của dân tộc và thời đại có nhiều chuyển biến sâu sắc; giúp sinh viên nhận thức sâu sắc được vai trò, giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, xác định rõ trách nhiệm của bản thân đối với đất nước hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
45	TH02093	Những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam	Học phần trang bị cho người học hệ thống những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin; giúp cho người học có khả năng phân tích, đánh giá những sáng tạo của Hồ Chí Minh trong đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam, biết vận dụng những tư tưởng của Người vào thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay; thông qua những sáng tạo của Hồ Chí Minh góp phần củng cố niềm tin vào con đường cách mạng Việt Nam, những thắng lợi đó có cơ sở từ đường lối đúng đắn, sáng tạo của Hồ Chí Minh và Đảng ta	3,0 (2,0:1,0)	
46	BC03732	Sản phẩm truyền thông số	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sản phẩm truyền thông số và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm truyền thông trên nền	3,0 (2,0:1,0)	

			tăng công nghệ hiện đại.		
47	QQ01008	Quan hệ công chúng	Những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam; những nguyên tắc tác nghiệp, những kỹ năng giao tiếp trong nhiều tình huống như thuyết trình, tranh luận, liên hệ với các nhóm đối tượng khác nhau.	3,0 (2,0:1,0)	
48	QC03466	Tổ chức sự kiện	Những kiến thức cơ bản nhất về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được biết về quy trình quản lý rủi ro trong sự kiện và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống,...	3,0 (2,0:1,0)	
49	LS02505	Thực tế chính trị - xã hội	Những kiến thức thực tế về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Những hoạt động thực tế của các tổ chức, các cơ quan trong hệ thống chính trị Việt Nam.	2.0 (0,5:1,5)	
50	LS03224	Kiến tập nghề nghiệp	Tìm hiểu thực tế địa phương. Tìm hiểu cách hoạt động chuyên môn của cơ sở kiến tập, dự giờ, viết thu hoạch. Tham gia các hoạt động tại cơ sở thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	2.0	
2.3. Kiến thức chuyên ngành				31	
Bắt buộc				25	
51	LS03208	Cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930)	Những kiến thức chuyên sâu về lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Hoàn cảnh lịch sử thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng CSVN.	3,0 (2,0:1,0)	LS02203
52	LS03209	Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	Những kiến thức chuyên sâu về quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 đến 1945, bao gồm: Quá trình bổ sung và phát triển đường lối giải phóng dân tộc của Đảng; các cao trào cách mạng, Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.	3,0 (2,0:1,0)	

53	LS03210	Đảng lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945-1954)	Những kiến thức chuyên sâu về quá trình Đảng lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945-1954), bao gồm: Quá trình xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946); lãnh đạo toàn quốc kháng chiến (1946-1954), nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm.	3,0 (2,0:1,0)	
54	LS03506	Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng CNXH ở miền Bắc (1954-1975)	Những kiến thức chuyên sâu về quá trình Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1975), bao gồm: Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước qua hai giai đoạn (1954-1964), (1965-1975), các phong trào chống Mỹ ở miền Nam và chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đường lối và các phong trào xây dựng CNXH ở miền Bắc, nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm.	4,0 (3,0:1,0)	
55	LS03213	Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH (1975-1986)	Những kiến thức chuyên sâu về quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH (1975 - 1986), bao gồm: Đường lối xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước; công cuộc cải tạo XHCN ở miền Nam; thống nhất nước nhà về mặt nhà nước; công nghiệp hóa XHCN; xây dựng và phát triển văn hóa; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	3,0 (2,0:1,0)	
56	LS03507	Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước (1986-2016)	Những kiến thức chuyên sâu về quá trình Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước (1986-2016), bao gồm: Nguyên nhân dẫn đến công cuộc đổi mới; đường lối đổi mới; quá trình bổ sung và phát triển đường lối đổi mới của Đảng từ Đại hội VI đến Đại hội XII; những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm qua 30 năm đổi mới.	3,0 (2,0:1,0)	
57	LS03216	Phương pháp giảng dạy Lịch sử	Những kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Phương pháp soạn giáo án; phương pháp giảng bài Lịch sử Đảng bằng hình thức thuyết trình; sê mi na, tham quan ngoại khóa	3,0 (2,0:1,0)	

		Đảng Cộng sản Việt Nam (Lý thuyết)	Lịch sử Đảng, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả.		
58	LS03217	Phương pháp giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Thực hành)	Thực hành thuần thục các kỹ năng, thao tác sư phạm. Vận dụng lý thuyết về phương pháp giảng dạy Lịch sử Đảng vào việc soạn và giảng chương trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành dùng cho các trường Đại học, cao đẳng.	3,0 (0,5:2,5)	
59	LS03225	Thực tập cuối khóa	Tìm hiểu, tiếp cận công việc thực tế. Tham gia các hoạt động chuyên môn dưới sự hướng dẫn của giảng viên: dự giờ, soạn giáo án, tập giảng, sinh hoạt chuyên môn. Tham gia các hoạt động thực tế tại cơ sở thực tập. Viết báo cáo thực tập.	3,0 (0,5:2,5)	
60	LS04005	Khóa luận	Người học vận dụng kiến thức đã tích lũy trong toàn khóa học, ứng dụng vào giải quyết một vấn đề thực tiễn trong phạm vi chuyên ngành đào tạo và trình bày dưới dạng một đề tài khoa học.	6,0	
Học phần thay thế khóa luận				6,0	
61	LS03508	Chủ nghĩa Mác-Lênin về Đảng Cộng sản	Những kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin về những vấn đề sau: Chủ nghĩa Mác- Lênin về tính tất yếu ra đời của các Đảng Cộng sản, về xây dựng Đảng Cộng sản và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về những vấn đề lý luận trên.	3,0 (2,0:1,0)	
62	LS03228	Các bài học kinh nghiệm của Đảng	Những kiến thức chuyên sâu và tổng quát về bài học kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến nay.	3,0 (2,0:1,0)	
Tự chọn				6/21	
63	LS03226	Phương pháp nghiên	Những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương; phát triển kỹ năng sưu tầm, biên soạn, biên tập và các công	3,0 (2,0:1,0)	

		cứu lịch sử Đảng bộ địa phương	tác liên quan để nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương, bộ, ban, ngành.		
64	TT03801	Lý thuyết và kỹ năng truyền thông chính sách	Học phần cung cấp tri thức về chính sách và vai trò của chính sách, quan niệm về truyền thông chính sách, mô hình, chủ thể, thông điệp, phương thức và hiệu quả của truyền thông chính sách. Kỹ năng nắm bắt nhu cầu đối tượng, xây dựng thông điệp, sử dụng các phương tiện truyền thông chính sách.	3,0 (1,5:1,5)	
65	BC02307	Biên tập văn bản báo chí	Nắm được đặc điểm của công tác biên tập, quy trình biên tập; từ việc lập kế hoạch tới các công đoạn biên tập văn bản ở các toà soạn cơ quan báo chí, các mẹo biên tập, ký hiệu dùng trong biên tập.	3,0 (2,0:1,0)	
66	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	Những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí, hiểu và ứng dụng được chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ báo chí trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, cú pháp; hiểu và sử dụng ngôn ngữ báo trong tác phẩm báo chí...; có kỹ năng đánh giá ngôn ngữ báo chí trên một tác phẩm báo chí thuộc một thể loại, loại hình báo chí bất kỳ.	3,0 (2,0:1,0)	
67	BC02502	Kỹ thuật và công nghệ báo chí - truyền thông	Những kiến thức, nguyên tắc, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; Phân tích, đánh giá được hiệu quả sử dụng kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất các tác phẩm phát thanh, truyền hình, báo in và báo mạng điện tử; Biết sử dụng công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.	3,0 (2,0:1,0)	
68	PT03925	Dẫn chương trình	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động dẫn chương trình: Hiểu được vị trí, vai trò, đặc trưng của hoạt động dẫn chương trình và của người dẫn chương trình; Nắm được kỹ năng cơ bản để dẫn chương trình nói chung và kỹ năng dẫn một số dạng chương trình cụ thể; Hiểu được các dạng sự cố và cách xử lý khi dẫn chương trình...	3,0 (2,0:1,0)	
69	PT02602	Sản xuất Video	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư duy và cách quay, dựng hình ảnh để sản xuất được những sản phẩm video; Những kỹ năng trong sản	3,0 (2,0:1,0)	

10. Hướng dẫn thực hiện

10.1. Kế hoạch thực hiện chương trình:

TT	Học phần	Số C	Phân bổ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	Triết học Mác - Lênin	4	X							
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	X							
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3		X						
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3		X						
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			X					
6	Pháp luật đại cương	3			X					
7	Chính trị học	2				X				
8	Xây dựng Đảng	2				X				
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2		X						
10	Lịch sử thế giới (chuyên đề)	2				X				
11	Giáo dục học đại cương	2				X				
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				X				
13	Kinh tế phát triển	2				X				
14	Dân tộc học đại cương	2				X				
15	Xã hội học đại cương	2				X				
16	Lịch sử văn minh thế giới	2				X				
17	Tiếng Việt thực hành	2				X				
18	Quản lý hành chính Nhà nước	2				X				
19	Tin học ứng dụng	3		X						
20	Tiếng Anh học phần 1	4	X							
21	Tiếng Anh học phần 2	4		X						
22	Tiếng Anh học phần 3	4			X					
23	Tiếng Trung học phần 1	4	X							
24	Tiếng Trung học phần 2	4		X						
25	Tiếng Trung học phần 3	4			X					
26	Tâm lý học sư phạm	3					X			
27	Lý luận dạy học đại học	3					X			
28	Đạo đức học Mác- Lênin	3					X			
29	Lôgic học	3					X			
30	Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	3							X	
31	Tôn giáo học	3							X	

32	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	3							X	
33	Nghệ thuật phát biểu miệng	3							X	
34	Lý thuyết truyền thông	3							X	
35	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	3							X	
36	Lịch sử sử học	3	X							
37	Phương pháp luận sử học	3	X							
38	Lịch sử Việt Nam (từ thời nguyên thủy đến năm 1930)	4		X						
39	Lịch sử thế giới	4			X					
40	Khảo cổ học	3						X		
41	Các đảng chính trị trên thế giới	3						X		
42	Cơ sở truyền thông quốc tế	3						X		
43	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	3						X		
44	Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam	3						X		
45	Những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam	3						X		
46	Sản phẩm truyền thông số	3						X		
47	Quan hệ công chúng	3						X		
48	Tổ chức sự kiện	3						X		
49	Thực tế chính trị - xã hội	2					X			
50	Kiến tập nghề nghiệp	2.0						X		
51	Cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930)	3			X					
52	Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	3				X				
53	Đảng lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945-1954)	3				X				
54	Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng CNXH ở miền Bắc (1954-1975)	3					X			

55	Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH (1975-1986)	3						X		
56	Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước (1986-2016)	3							X	
57	Phương pháp giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Lý thuyết)	3						X		
58	Phương pháp giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Thực hành)	3							X	
59	Phương pháp nghiên cứu lịch sử Đảng bộ địa phương	3								X
60	Lý thuyết và kỹ năng truyền thông chính sách	3								X
61	Biên tập văn bản báo chí	3								X
62	Ngôn ngữ báo chí	3								X
63	Kỹ thuật và công nghệ báo chí truyền thông	3								X
64	Dẫn chương trình	3								X
65	Sản xuất video	3								X
66	Thực tập cuối khóa	3.0								X
67	Khóa luận/ Học phân thay thế khóa luận	6.0								X
67	Chủ nghĩa Mác-Lênin về Đảng Cộng sản	3								X
69	Các bài học kinh nghiệm của Đảng	3								X

10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

+ Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 02 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 05 Tiến sỹ, 2 Thạc sỹ Lịch sử Đảng, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sỹ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở trong và ngoài nước.

+ Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

+ Về Thư viện

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3.419m² trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m², số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực lịch sử, chính trị, xã hội nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace.

10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình

Chương trình được đánh giá định kỳ 2 năm/lần, được đổi mới, hoàn thiện theo định kỳ 4 năm/lần hoặc khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu xã hội đối với ngành nghề đào tạo, những yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực lao động của cơ quan sử dụng nguồn lực đào tạo.

GIÁM ĐỐC

đã ký

Trương Ngọc Nam